

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày 05-9-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thành.

2. Ông Nguyễn Trường Ca

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại hội trường xét xử tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ngân hàng TMCP XYZ; địa chỉ: Tòa nhà XYZ, Tower 89 Láng Hạ, phường Đống Đa, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L- Chức vụ: Giám đốc Trung Tâm thu hồi nợ KHDN và XLN pháp lý (theo văn bản ủy quyền số 38A/2024/UQN-CTQT ngày 01-6-2024 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP XYZ).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Hoàng L: Anh Đào Tuấn V, anh Nguyễn Đức L1 và anh Hà Giang S – Chuyên viên xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 491/2025/UQN-VPB ngày 10-3-2025 của Ngân hàng TMCP XYZ).

2. Công ty cổ phần X; địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Việt Á, số 9, Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, phường Cầu Giấy, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T1 - Chức vụ: Trưởng phòng XLN - Trung tâm xử lý nợ Miền Bắc (theo văn bản ủy quyền số 1616/2024/UQ-GĐ ngày 04-11-2024 của của công ty cổ phần X).

Người được ông Cao Duy T1 ủy quyền lại: Ông Đặng Hồng L – Trưởng bộ phận XLN; ông Tạ Văn P, ông Hà Giang S – Chuyên Viên xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 645/2025/UQN-MARS.VPB ngày 10-3-2025 của công ty cổ phần X).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1978 và chị Dương Thị S, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố Phúc Thiên, phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày như sau: Ngân hàng TMCP XYZ (XYZ) và vợ chồng anh Nguyễn Quang Tr, chị Dương Thị S thỏa thuận ký hợp đồng cho vay số LN2305179180576 ngày 29-5-2023 vay số tiền 400.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng mua sắm trang thiết bị trong gia đình. Thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày 19-5-2023, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 15,4%/ năm cố định 12 tháng sau đó sẽ được điều chỉnh theo quý. Hết thời hạn cố định lãi suất sẽ được điều chỉnh lại từ ngày đầu tiên của quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. **Thời hạn trả gốc cuối kỳ ngày 13-5-2024**, ngày trả lãi 15 hàng tháng, ngày trả nợ gốc đầu tiên ngày 15-6-2023. Lãi suất chậm trả 10%/năm tính trên khoản tiền lãi chậm trả. Lãi suất quá hạn 150% của lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay tại hợp đồng thế chấp số LN2211297611943 ngày 27-12-2022 anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S đã thế chấp tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 76 tờ bản đồ 10 thuộc tổ dân phố Phúc Thiên, phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất do UBND thành phố Chí Linh cấp ngày 25-8-2021 mang tên anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S. Hợp đồng thế chấp được văn phòng công chứng số 1 tỉnh Hải Dương chứng nhận ngày 27-12-20.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Tr, chị S nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi. Đối với hợp đồng số LN2305179180576 tính đến ngày 19-8-2025 anh Tr, chị S đã trả được 17.880.031đồng gốc, 24.903.439đồng nợ lãi. Kể từ ngày 15-7-2024 anh Tr, chị S không thực hiện việc trả tiền lãi và tiền gốc theo thỏa thuận hợp đồng đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo vãng văn bản cho anh Tr, chị S thực hiện nghĩa vụ trả lãi nhưng anh Tr, chị S không thực hiện kể từ ngày 15-7-2024 khoản vay chuyển sang nợ quá hạn.

Ngày 25-12-2024 ngân hàng TMCP XYZ đã bán một phần khoản nợ phát sinh (90%) theo hợp đồng cho vay nêu trên cho công ty cổ phần X. Nay công ty cổ phần X và XYZ có đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Quang Tr, chị Dương

Thị S phải thanh toán cho công ty cổ phần X và XYZ tổng số tiền tạm tính đến ngày 25-02-2025 là 467.285.095đồng. Trong đó XYZ số tiền 46.728.509đồng, công ty X 420.556.586đồng. Cụ thể nợ gốc là 382.119.969đồng, trong đó XYZ 38.211.997 đồng, công ty X 343.907.972 đồng; nợ lãi 80.950.202 đồng, trong đó XYZ 8.095.020 đồng, công ty X 72.855.182 đồng; nợ lãi chậm trả 4.214.924 đồng, trong đó XYZ 421.492 đồng, công ty X 3.793.432 đồng. Tiếp tục tính lãi đối với các khoản nợ trên theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày anh Tr, chị S thực hiện thanh toán hết nợ cho XYZ và công ty cổ phần X. Trường hợp anh Tr, chị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho XYZ và công ty cổ phần X, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng XYZ và công ty cổ phần X có quyền phát mại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 76, tờ bản đồ số 10 tại tổ dân phố Phúc Thiện, phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai anh Nguyễn Quang Tr - là bị đơn trình bày như sau: Do cần tiền trả nợ làm nhà và vợ chồng anh đầu tư buôn bán hoa quả do vậy anh có vay ngân hàng XYZ 400.000.000đồng tiền gốc, lãi suất 16% có điều chỉnh theo từng thời kỳ. Sau đó vợ chồng anh có thế chấp nhà đất để đảm bảo cho khoản vay. Nhà đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng anh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh trả được vài tháng tiền gốc và lãi suất. Sau đó do khó khăn về kinh tế nên không trả được ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Nay ngân hàng và công ty X khởi kiện anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Anh đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, trong cả quá trình giải quyết vụ án. Hiện nay vợ anh là chị Dương Thị S vẫn đang lao động tại Đài Loan.

Các văn bản tố tụng đã được tổng đạt hợp lệ cho chị S, chị S không đến tham gia tố tụng tại tòa đồng thời không có quan điểm của chị đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã đăng tin thông báo về việc tham gia tố tụng của chị Dương Thị S tại kênh Tiếng Việt của Đài tiếng nói Việt Nam Ban đối ngoại VOV5 từ ngày 14,15,16-8-2025.

Công văn số 479 ngày 25-6-2025 của UBND phường Hoàng Tiến về xác định nguồn gốc, ranh giới, mốc giới thửa đất số 76 tờ bản đồ số 10 KDC Phúc Thiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Chí Linh cấp ngày 25-8-2021 tại thửa số 76 tờ bản đồ số 10 mang tên anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S. Nguồn gốc thửa đất do nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, nhận tặng cho quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Linh với diện tích 1.361m². Do chủ sử dụng đất anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S chủ giáp ranh không có mặt tại địa phương, hiện trạng ranh giới không rõ ràng nên không thể xác định được ranh giới mốc giới của thửa đất số 76 tờ bản đồ số 10 KDC Phúc Thiện.

Biên bản xác minh tại công an phường phường Trần Nhân Tông thể hiện:
Theo tra cứu tại dữ liệu thông tin cư trú quốc gia, anh Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1978 và chị Dương Thị S, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: KDC Phục Thiên, phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng hiện không có mặt tại địa phương.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13-6-2025: Do các chủ sử dụng đất liền kề hiện không có mặt tại buổi xem xét thẩm định, ranh giới giữa các thửa đất không có mốc giới cụ thể nên không thể đo đạc được hiện trạng. Qua đo đạc bằng phương pháp thủ công thửa đất số 76 tờ bản đồ số 10 hiện trạng có nhà mái bằng lợp ngói một tầng diện tích 110m². Tuy nhiên thực hiện đo đạc thủ công theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định các thửa đất số 75, 76, 77 tờ bản đồ số 10 không có sự thay đổi so với giấy chứng nhận được cấp và không chồng lấn lên nhau.

Tại phiên tòa:

Đại diện Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xác định đến hết ngày 05-9-2025 anh Tr, chị S còn phải thanh toán cho ngân hàng XYZ và công ty cổ phần X tổng số tiền là 511.028.739đồng, bao gồm nợ gốc là 382.119.969đồng, lãi trong hạn là 41.908.586đồng, lãi quá hạn là 77.484.508đồng, lãi chậm trả 9.515.676đồng (tính đến ngày 05-9-2025) cụ thể: Buộc anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S phải có nghĩa vụ trả cho **ngân hàng TMCP XYZ** tổng số tiền là 51.102.875đồng, bao gồm nợ gốc là 38.211.997đồng, lãi trong hạn là 4.190.859đồng, lãi quá hạn là 7.748.451đồng, lãi chậm trả 951.568đồng (tính đến ngày 05-9-2025); Buộc anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S phải có nghĩa vụ trả cho **công ty cổ phần X** tổng số tiền là 459.925.864đồng, bao gồm nợ gốc là 343.907.972đồng, lãi trong hạn là 37.717.727đồng, lãi quá hạn là 69.736.057đồng, lãi chậm trả 8.564.108đồng (tính đến ngày 05-9-2025).

Ngân hàng XYZ và công ty cổ phần X yêu cầu anh Tr, chị S tiếp tục phải chịu tiền lãi từ ngày 06-9-2025 cho đến khi tất toán khoản vay. Nếu anh Tr, chị S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì XYZ và công ty X được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kê cả việc kê biên để phát mại, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho XYZ và công ty X theo quy định của pháp luật. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mại, xử lý các tài sản bảo đảm khi trừ đi các chi phí tố tụng, thi hành án theo quy định của pháp luật mà không đủ thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ thì anh Tr, chị S còn phải có nghĩa vụ thanh toán hết số nợ.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản ngân hàng đã nộp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ vào **Điều 147, khoản 2**

Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 317, 318, 319, 320, 323, 398, 399, 400, 401 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng XYZ và công ty cổ phần X. Buộc anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S phải có nghĩa vụ trả cho **ngân hàng TMCP XYZ và công ty cổ phần X** tổng số tiền là 511.028.739 đồng cụ thể: Trả cho **ngân hàng TMCP XYZ** tổng số tiền là 51.102.875 đồng, bao gồm nợ gốc là 38.211.997 đồng, lãi trong hạn là 4.190.859 đồng, lãi quá hạn là 7.748.451 đồng, lãi chậm trả 951.568 đồng (tính đến ngày 05-9-2025); trả cho **công ty cổ phần X** tổng số tiền là 459.925.864 đồng, bao gồm nợ gốc là 343.907.972 đồng, lãi trong hạn là 37.717.727 đồng, lãi quá hạn là 69.736.057 đồng, lãi chậm trả 8.564.108 đồng (tính đến ngày 05-9-2025). Từ ngày 06-9-2025 anh Tr và chị S phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng cho vay đến ngày anh Tr, chị S tất toán khoản vay. Nếu anh Tr và chị S vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng XYZ và công ty X có quyền yêu cầu thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà **và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ 10** tại phường Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh **theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S.**

Về án phí: Anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng XYZ và công ty X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Phục Thiện, phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng và hiện đang cư trú tại Đài Loan. Do vậy tòa án nhân dân khu vực 9, thành phố Hải Phòng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn là anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S đã được triệu tập hợp lệ. Anh Tr có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa,

chị S vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng cho vay số LN230517918057 và hợp đồng thế chấp số LN2211297611943 ngày 27-12-2022 thì thấy anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 119 của Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Các bên thực hiện hợp đồng không có ý kiến khác nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng khi có tranh chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Tr và chị S đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi. Đối chiếu với các điều khoản trong hợp đồng cho vay xác định anh Tr, chị S đã vi phạm về thời hạn trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số LN2305179180576 nên ngân hàng XYZ và công ty X yêu cầu anh Tr, chị S phải trả số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn và quá hạn là có căn cứ.

Về tài sản đảm bảo: Anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S ký hợp đồng thế chấp có văn phòng công chứng số 1 tỉnh Hải Dương lập ngày 27-12-2022 để đảm bảo khoản vay trên. Tài sản bảo đảm được Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tuy không xác định được hiện trạng sử dụng của thửa đất nhưng địa phương xác nhận thửa đất không có tranh chấp không chồng lấn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác hợp đồng thế chấp được ký kết giữa hai bên thể hiện sự tự nguyện, có đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Chí Linh. Chị S không có quan điểm về việc giải quyết vụ án, anh Tr nhất trí đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nếu trong trường hợp anh Tr, chị S không trả tiền ngân hàng XYZ và công ty X có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản: Ngân hàng XYZ và công ty X đã nộp tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP XYZ và công ty cổ phần X buộc anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng TMCP XYZ và công ty cổ phần X tổng số tiền là 511.028.739đồng cụ thể: trả cho ngân hàng TMCP XYZ tổng số tiền là 51.102.875đồng, bao gồm nợ gốc là 38.211.997đồng, lãi trong hạn là 4.190.859đồng, lãi quá hạn là 7.748.451đồng, lãi chậm trả 951.568đồng (tính đến ngày 05-9-2025); trả cho công ty cổ phần X tổng số tiền là 459.925.864đồng, bao gồm nợ gốc là 343.907.972đồng, lãi trong hạn là 37.717.727đồng, lãi quá hạn là 69.736.057đồng, lãi chậm trả 8.564.108đồng (tính đến ngày 05-9-2025).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 buộc anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng XYZ và công ty X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 317, 318, 319, 320, 323, 398, 399, 400, 401 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 35 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và công ty cổ phần X.

Buộc anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng TMCP XYZ và công ty cổ phần X tổng số tiền là 511.028.739 đồng cụ thể: trả cho ngân hàng TMCP XYZ tổng số tiền là 51.102.875 đồng bao gồm nợ gốc là 38.211.997 đồng, lãi trong hạn là 4.190.859 đồng, lãi quá hạn là 7.748.451 đồng, lãi chậm trả 951.568 đồng (tính đến ngày 05-9-2025); trả cho công ty cổ phần X tổng số tiền là 459.925.864 đồng bao gồm nợ gốc là 343.907.972 đồng, lãi trong hạn là 37.717.727 đồng, lãi quá hạn là 69.736.057 đồng, lãi chậm trả 8.564.108 đồng (tính đến ngày 05-9-2025).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và công ty cổ phần X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP XYZ và công ty cổ phần X có quyền yêu cầu thi hành án thành phố Hải Phòng kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 76, tờ bản đồ 10 tại tổ dân phố Phục Thiên, phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND thành phố Chí Linh cấp ngày 25-8-2021 mang tên ông Nguyễn Quang Tr và bà Dương Thị S.

Toàn bộ số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm sau khi trừ các khoản chi phí theo quy định của pháp luật, được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S cho ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và công ty cổ phần X. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S vẫn phải có nghĩa vụ trả hết tiền gốc và tiền lãi phát sinh cho ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và công ty cổ phần X

theo hợp đồng cho vay số LN2305179180576 ngày 19-05-2023 cho đến khi tất toán khoản vay.

Kể từ ngày 06-9-2025 anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng theo hợp đồng cho vay số LN2305179180576 19-05-2023 cho đến khi tất toán khoản vay.

Về án phí: Anh Nguyễn Quang Tr và chị Dương Thị S phải chịu 24.441.000đồng (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ngân hàng TMCP XYZ và công ty cổ phần X số tiền tạm ứng án phí là 11.345.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002608 ngày 28-3-2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- Thi hành án DS TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hằng